

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HSST

Ngày: 24/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Đồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Nam: Cán bộ hưu.

Ông Nguyễn Văn Hoàn: Cán bộ Ủy ban nhân dân phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75/2017/HSST ngày 03/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/HSST-QĐXX ngày 20/12/2017 đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: Khu phố Đ, phường C, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Học vấn: Lớp 12/12; con ông Trần Văn T, sinh năm 1967 và bà Trần Thị H, sinh năm 1969; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là lớn nhất; Có vợ là Khuất Thị H, sinh năm 1993 và có hai con cùng sinh năm 2017. Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số: 24/2011/HSST ngày 28/7/2011 của TAND tỉnh Bắc Ninh xử phạt T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng về tội “Trốn thuế” và tội “Lưu hành giấy tờ có giá giả”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2017 đến ngày 11/5/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1, Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Trú tại: thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2, Bà Trần Thị L, sinh năm 1965; Trú tại: khu phố Đ, phường C, thị xã S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3, Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1983; Trú tại: thôn D, thị trấn L1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Hương Tôn (gọi tắt là Công ty Hương Tôn), mã số thuế 2300760679 có trụ sở tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 12/11/2012 do chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 ở thôn N, xã L, huyện T làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty Hương Tôn là buôn bán sắt thép, xây dựng... Sau đó, do kinh doanh không hiệu quả nên đến tháng 6/2014, chị H định xin giải thể Công ty. Trần Đức T biết được ý định của chị H nên đã đề nghị chị H chuyển Công ty cho T để T tiếp tục kinh doanh. Chị H đồng ý. Sau đó, T đã nhờ bác ruột là Trần Thị L, sinh năm 1965 ở khu phố Đ, phường C, thị xã S đứng tên làm giám đốc cho Công ty Hương Tôn. Bà L đồng ý đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho T để T đi làm thủ tục thay đổi giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty Hương Tôn. Ngày 28/7/2014, Công ty Hương Tôn được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh đăng ký thay đổi sang tên bà Trần Thị L làm giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời Công ty vẫn giữ nguyên địa chỉ trụ sở như đã đăng ký ban đầu. Chị Nguyễn Thị H đã chuyển lại các sổ hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) có ký hiệu HT/13P từ số 29 đến số 250 của Công ty Hương Tôn cho T tiếp tục kinh doanh.

Sau khi thay đổi, Công ty Hương Tôn không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Bà Trần Thị L chỉ đứng tên giám đốc Công ty nhưng không tham gia điều hành hoạt động và không ký vào bất kỳ giấy tờ gì mang tên Công ty. Mọi hoạt động của Công ty Hương Tôn đều do T trực tiếp điều hành. T đã thuê đất của ông Trần Văn Tráng (bố đẻ T) ở khu phố Đ, phường C, thị xã S làm kho xưởng của Công ty, thuê chị P và chị V (cùng quê ở Hà Tĩnh, địa chỉ cụ thể T không biết) làm

kế toán, thuê chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1983 ở thôn D, thị trấn L1, huyện T làm báo cáo thuế và một số nhân viên giúp việc. Các hóa đơn GTGT của Công ty có ký hiệu HT/13P từ số 29 trở đi khi xuất bán đều do T trực tiếp ký và đóng dấu tên giám đốc Trần Thị L để giao cho người mua liên 2 của hóa đơn, còn giữ lại liên 1 và liên 3.

Kết quả điều tra đã xác định trong thời gian từ tháng 8/2014 đến tháng 3/2015, khi điều hành hoạt động của Công ty Hương Tôn, Trần Đức T đã thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT:

Công ty Hương Tôn kể từ thời điểm T đăng ký thay đổi không tiến hành các hoạt động kinh doanh mà chủ yếu chỉ để bán hóa đơn giá trị gia tăng không. Bản thân T đã tiến hành kê khai thuế với Chi cục thuế huyện T hết quý III/2014 đối với các hóa đơn từ số 29 đến số 54 mang tên Công ty Hương Tôn. Qua kiểm tra báo cáo thuế quý III/2014 của Công ty Hương Tôn, ngày 16/12/2014 và ngày 22/12/2014 Chi cục thuế huyện T có thông báo số 985 và 1018 yêu cầu Công ty Hương Tôn giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu nhưng Công ty Hương Tôn không chấp hành. Ngày 14/01/2015, Chi cục thuế huyện T tiến hành xác minh xác định Công ty Hương Tôn không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế nên ngày 16/01/2015, Chi cục thuế huyện T ra thông báo số: 45/TB-CCT về việc Công ty Hương Tôn bỏ địa chỉ kinh doanh và khóa MST của Công ty. Sau khi Chi cục thuế huyện T có thông báo số: 45/TB-CCT nêu trên, Trần Đức T vẫn tiếp tục xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng không cho các doanh nghiệp. Trong thời gian từ khi thay đổi Giám đốc Công ty, Trần Đức T đã xuất bán không 77 hóa đơn từ số 29 đến số 114 (trong đó có các số hóa đơn 86, 88, 91, 94, 97, 100, 101, 103 bị loại bỏ do viết hỏng và hóa đơn số 114 ngày 03/3/2015 xuất cho Công ty kim khí gang thép Đức Trang là có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) cho 30 doanh nghiệp khác không có hàng hóa dịch vụ kèm theo với tổng giá trị tiền hàng là **62.118.903.360 đồng**, tiền thuế GTGT **6.211.890.336 đồng**. Khi giao dịch mua bán hóa đơn, người mua hóa đơn phải trả cho T 4%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Số tiền bán hóa đơn T trực tiếp thu của người mua. Đến nay, do thời gian đã lâu nên T không nhớ được họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ của những người đã mua hóa đơn của Công ty Hương Tôn.

Để hợp thức hóa cho việc xuất bán không hóa đơn, T đã chỉ đạo P hoặc V soạn thảo các hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, biên

bản thanh lý hợp đồng, séc (giấy lĩnh tiền mặt)... để đưa cho khách hàng khi họ yêu cầu.

Để hợp thức hóa việc thanh toán qua ngân hàng, T thỏa thuận với khách hàng: Trường hợp họ tự đi chuyển tiền qua ngân hàng thì T sẽ giao cho họ giấy lĩnh tiền mặt (séc) có ký và đóng dấu sẵn của Công ty Hương Tôn để họ tự đi chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Hương Tôn rồi tự rút số tiền đó ra. Trường hợp khách hàng không chuyển thì T chỉ đạo Nguyễn Huy Cường hoặc Trần Đức Lượng (là nhân viên của Công ty Hương Tôn) thực hiện việc chuyển khoản hợp thức hóa qua ngân hàng, khi đó khách hàng sẽ giao cho T giấy ủy nhiệm chi đã được ký tên, đóng dấu sẵn của các công ty đầu ra để T chỉ đạo nhân viên tự chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Hương Tôn rồi lại dùng séc của Công ty Hương Tôn rút số tiền đó ra mang về cho T.

Trong số các doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn của Công ty Hương Tôn có 08 doanh nghiệp sau đây có sử dụng từ 10 số hóa đơn trở lên hoặc có số tiền thuế GTGT từ 100 triệu đồng trở lên gồm:

- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đạt Hoàng Kim ở khu công nghiệp C, thị xã S: 01 hóa đơn với giá trị tiền hàng 1.241.668.910 đồng, tiền thuế GTGT 124.166.891 đồng.

- Công ty cổ phần thương mại Kim Sơn ở địa chỉ: tổ 70, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai: 04 số hóa đơn với giá trị tiền hàng 12.089.592.000 đồng, tiền thuế GTGT 1.208.959.200 đồng.

- Công ty cổ phần điện công nghiệp Việt Nam ở đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội: 04 hóa đơn với giá trị tiền hàng 2.242.330.000 đồng, tiền thuế GTGT 224.233.000 đồng.

- Công ty cổ phần công nghệ và thương mại Thủ đô ở phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội: 01 hóa đơn với giá trị tiền hàng 1.264.930.425 đồng, tiền thuế GTGT 126.493.042 đồng.

- Công ty TNHH đúc đồng Minh Đức ở xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh: 02 hóa đơn với giá trị tiền hàng 1.600.190.000 đồng, tiền thuế GTGT 160.019.000 đồng.

- Công ty cổ phần Tứ Đình ở tổ 7, phố Cầu Mây, thị trấn Sapa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai: 08 hóa đơn với giá trị tiền hàng 12.043.378.000 đồng, tiền thuế GTGT 1.204.337.800 đồng.

- Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Việt Dũng ở khu Góc Găng, phường Trung Nhị, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc: 14 hóa đơn, giá trị tiền hàng 3.226.558.878 đồng, tiền thuế GTGT 322.655.888 đồng.

- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hoàn Phát ở thôn Xuân Hòa, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh: 14 hóa đơn với giá trị tiền hàng 26.505.200.000 đồng, tiền thuế GTGT 2.650.520.000 đồng.

Tiến hành điều tra, xác minh đối với các doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn của Công ty Hương Tôn đến nay xác định: Toàn bộ các doanh nghiệp này đều khẳng định việc giao dịch mua hàng của các doanh nghiệp này là có thật, khi mua hàng không trực tiếp giao dịch với Công ty Hương Tôn mà thông qua một người tự giới thiệu là nhân viên của Công ty Hương Tôn (hiện đều không biết họ tên và địa chỉ cụ thể của những người tự giới thiệu là nhân viên của Công ty Hương Tôn). Khi thanh toán tiền thì trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng, không thừa nhận việc mua không hóa đơn hoặc biết rõ hóa đơn đó là hóa đơn bất hợp pháp nhưng vẫn sử dụng kê khai báo cáo thuế. Hiện nay, trong 8 doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn của Công ty Hương Tôn với giá trị tiền thuế GTGT từ 100 triệu đồng trở lên hoặc từ 10 số hóa đơn trở lên, sau khi biết Công ty Hương Tôn bị đóng MST thì chỉ có Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Việt Dũng đã tự điều chỉnh giảm đối với 12 số hóa đơn đã sử dụng trước đó, các doanh nghiệp còn lại chưa điều chỉnh.

2. Đối với hành vi mua trái phép hóa đơn GTGT:

Để hợp thức hóa đối với số hóa đơn GTGT đã bán ra và thực hiện việc kê khai khấu trừ thuế GTGT, qua quan hệ T đã gặp người thanh niên tự giới thiệu là Công quê ở thành phố Hải Phòng (T không biết họ và địa chỉ cụ thể của Công) để giao dịch mua không các hóa đơn GTGT. T và Công thỏa thuận, T trả cho Công 3,8%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và cân đối sao cho khớp với số hàng hóa, dịch vụ và giá trị tiền hàng trên các hóa đơn mà T đã xuất bán không cho khách hàng. T đã mua của Công tổng số 54 số hóa đơn GTGT của 05 Công ty có địa chỉ tại thành phố Hải Phòng với tổng giá trị tiền hàng **61.874.759.680 đồng**, tiền thuế GTGT **6.187.475.968 đồng**. Cụ thể:

- Mua hóa đơn mang tên Công ty TNHH phát triển thương mại Long Cường có trụ sở tại 10/313 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng: 08 hóa đơn với giá trị tiền hàng 8.457.107.000 đồng, tiền thuế GTGT 846.710.700 đồng.

- Mua hóa đơn mang tên Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Nguyễn Minh Tuấn có trụ sở tại số: 15 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng: 14 hóa đơn với giá trị tiền hàng 16.714.873.190 đồng, tiền thuế GTGT 1.671.487.319 đồng.

- Mua hóa đơn mang tên Công ty TNHH đầu tư Thiên Thanh có trụ sở tại số: 21, tổ 41, cụm 7, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng: 11 hóa đơn với giá trị tiền hàng 7.316.601.630 đồng, tiền thuế GTGT 731.60.163 đồng.

- Mua hóa đơn mang tên Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xây dựng Xuân Phúc có địa chỉ trụ sở tại số: 15 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng: 20 hóa đơn với giá trị tiền hàng 28.292.411.860 đồng, tiền thuế 2.829.241.186 đồng.

- Mua hóa đơn mang tên Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ vận tải Tùng Linh có địa chỉ trụ sở tại 2D/89 An Đà, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng: 01 hóa đơn với giá trị tiền hàng 1.093.856.000 đồng, tiền thuế GTGT 109.385.600 đồng.

Khi mua 54 số hóa đơn này, Công phải cung cấp cho T các hợp đồng kinh tế, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng hóa, giấy giới thiệu, giấy lĩnh tiền mặt (séc)... đã được giám đốc các Công ty trên ký và đóng dấu sẵn. Việc thanh toán tiền hóa đơn được T trả trực tiếp cho Công với mức 3,8%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn như đã thỏa thuận. Để hợp thức hóa số hóa đơn đầu vào nêu trên, T chỉ đạo Nguyễn Huy Cường, Trần Đức Lượng và Nguyễn Thị Thu H1 mang số tiền ghi trên hóa đơn, giấy ủy nhiệm chi của 05 công ty trên đã ký và đóng dấu sẵn của giám đốc Công ty, giấy nộp tiền mặt nộp tiền vào tài khoản số 43310000180493 của Công ty Hương Tôn mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển chi nhánh S - Bắc Ninh rồi dùng giấy lĩnh tiền mặt (séc) của Công ty Hương Tôn thực hiện việc rút số tiền đã nộp ra mang về trả cho T.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh 5 Công ty đã xuất bán hóa đơn không cho T xác định:

- Tại địa chỉ số: 10/313 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng không có Công ty nào hoạt động đăng ký kinh doanh. Lời khai của Phí Văn Thắng, người đứng tên giám đốc Công ty TNHH phát triển thương mại Long Cường xác định: Thắng không thành lập và hoàn toàn không biết gì về Công ty TNHH phát triển thương mại Long Cường và không biết lý do tại sao Công ty này lại có tên giám đốc là Phí Văn Thắng.

- Tại địa chỉ số: 15 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng không có công ty nào hoạt động kinh doanh. Lời khai của anh Nguyễn Minh Tuấn, người đứng tên giám đốc Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Nguyễn Minh Tuấn xác định: Tháng 2/2013 anh Tuấn bị mất giấy chứng minh nhân dân, anh Tuấn không đứng ra thành lập công ty và cũng không biết gì về Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Nguyễn Minh Tuấn.

- Tại địa chỉ đã đăng ký của 03 công ty còn lại gồm Công ty TNHH đầu tư Thiên Thanh có trụ sở tại số: 21, tổ 41, cụm 7, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xây dựng Xuân Phúc có trụ sở tại số: 15 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng và Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ vận tải Tùng Linh ở địa chỉ 2D/89 An Đà, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng xác định: Các công ty này đều không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì tại địa chỉ đã đăng ký, người đứng tên giám đốc của 03 Công ty đều vắng mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai của giám đốc 03 công ty này.

3. Về số tiền hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn:

Việc mua hóa đơn đầu vào với giá trị bằng 3,8%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và bán ra với giá trị bằng 4%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn như đã nêu trên, Trần Đức T đã được hưởng lợi như sau:

- Số tiền mua không 54 hóa đơn đầu vào là: $61.874.759.680 \text{ đồng} \times 3,8\% = 2.351.240.867 \text{ đồng}$.

- Số tiền bán không 77 hóa đơn đầu ra của Công ty Hương Tôn là $62.118.903.360 \text{ đồng} \times 4\% = 2.484.756.134 \text{ đồng}$.

- Số tiền T được hưởng lợi: $2.484.756.134\text{đ} - 2.351.240.867\text{đ} = \mathbf{133.515.267 \text{ đồng}}$.

Quá trình điều tra, bị cáo T cùng gia đình đã tự nguyện nộp số tiền 135.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 110/CT - VKS ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Trần Đức T về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại các điểm d, đ khoản 2 điều 164a Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Đức T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã qui kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, sau khi đưa ra các chứng cứ, phân tích tính chất, mức

độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên tội danh của T như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 164a; Điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; khoản 5 Điều 60; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm d và đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Trần Đức T từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Chuyển 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về hai tội “Trốn thuế” và tội “Lưu hành giấy tờ có giá giả” của bản án số: 24/2011/HSST ngày 28/7/2011 của TAND tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án từ 51 đến 54 tháng tù. Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng.

Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị tịch thu sung công tiền thu lợi bất chính của T 133.515.267 đồng để sung công quỹ nhà nước và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo Trần Đức T không tranh luận, nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị xem xét được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức T đã thừa nhận hành vi phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” do chính bị cáo đã thực hiện. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian từ tháng 8/2014 đến tháng 3/2015, T đã bán không 77 hóa đơn GTGT (không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) cho 30 doanh nghiệp với giá 4%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế. Tổng giá trị tiền hàng trên 77 số hóa đơn T đã bán là 62.118.903.360 đồng, tiền thuế GTGT 6.211.890.336 đồng. Bị cáo T cũng đã mua của một đối tượng tên Công 54 hóa đơn của 5 Công ty ở quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với giá 3,8%/tổng giá trị tiền hàng chưa thuế để hợp thức hóa số hóa đơn đã bán. Giá trị tiền hàng trên 54 hóa đơn mà T mua là 61.874.759.680 đồng, tiền thuế GTGT 6.187.475.968 đồng. T được hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn số tiền 133.515.267 đồng.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo T theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999 về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính của nhà nước về tài chính, kinh tế, gây mất trật tự trong sản xuất, kinh doanh, thiệt hại lớn tới ngân sách của nhà nước. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Trần Đức T là người kinh doanh nhưng không chấp hành các qui định của pháp luật để trở thành doanh nhân đúng đắn, bị cáo chỉ vì tham lam, muốn hưởng lợi nhanh chóng mà thực hiện hành vi mua bán hóa đơn bị pháp luật cấm. Đã vậy, bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Trốn thuế” và tội “Lưu hành giấy tờ có giá giả” là những tội liên quan tới hoạt động sản xuất, kinh doanh và đang trong thời gian thử thách của những tội này nhưng không lấy đó là bài học để làm ăn chân chính mà vẫn tiếp tục phạm tội nên hành vi của T là không thể chấp nhận được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chuyển hình phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số: 24/2011/HSST ngày 28/7/2011 do TAND tỉnh Bắc Ninh đã xét xử thành tù giam cộng với hình phạt của tội mới thì mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo. Trong vụ án này, cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi của mình, đến nay, đã nộp 135.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Về áp dụng hình phạt bổ sung, tuy bị cáo mua bán hóa đơn đã hoàn thành, lẽ ra phải phạt một khoản tiền để sung công quỹ nhà nước nhưng xét thấy, bị cáo còn hai con nhỏ mới sinh năm 2017 nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T

Về số tiền thu lợi bất chính: Hành vi mua, bán hóa đơn giá trị gia tăng của bị cáo T hưởng lợi bất chính số tiền 133.515.267 đồng. Cần buộc bị cáo phải nộp khoản tiền này để sung công quỹ nhà nước. Bị cáo đã nộp 135.000.000 đồng nên cần tạm giữ khoản tiền này để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng vụ án là 01 con dấu tròn mang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Hương Tôn và dấu chức danh giám đốc mang tên Trần Thị Lý cần tịch thu tiêu hủy.

Liên quan trong vụ án này có Nguyễn Huy Cường, Trần Đức Lượng và Nguyễn Thị Thu Huyền là những người đã đi nộp tiền, rút tiền từ tài khoản ngân hàng về giúp cho Trần Đức T thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Tuy

nhiên, Cường, Lượng và Huyền chỉ thực hiện theo yêu cầu của T, không được T trao đổi, bàn bạc hay thỏa thuận gì về việc mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các nhân viên tên P và V (theo lời khai của T) hiện Cơ quan điều tra không xác định được họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của P và V nên chưa có căn cứ để xử lý.

Đối với bà Trần Thị L (người đứng tên giám đốc Công ty Hương Tôn) là người được T nhờ đứng tên giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng bà L không tham gia điều hành, không được T trao đổi gì về các hoạt động của Công ty Hương Tôn. Bà L không biết gì về việc mua bán trái phép hóa đơn của T và cũng không được hưởng lợi gì từ việc này. Do vậy, Cơ quan điều tra chỉ giáo dục, nhắc nhở đối với bà L là phù hợp.

Đối với 08 doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn của Công ty Hương Tôn với số tiền thuế trên 100 triệu đồng, với các tài liệu điều tra đến nay chưa đủ căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đã tách hành vi của các Công ty này ra để tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với 22 Công ty đã sử dụng hóa đơn của Công ty Hương Tôn do T xuất khống với số tiền thuế dưới 100 triệu đồng, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Chi cục thuế các huyện, thị có liên quan để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 05 Công ty ở quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã xuất khống hóa đơn GTGT đầu vào cho Công ty Hương Tôn để T hợp thức hóa các hóa đơn GTGT khống đã bán, Cơ quan điều tra tách hồ sơ, tài liệu có liên quan chuyển đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng để tiếp tục điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố Trần Đức T phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 164a, Điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51, khoản 5 Điều 60; Điều 33; Điều 41; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm d và đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Đức T 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt hình phạt 36 tháng tù của bản án số: 24/2011/HSST ngày 28/7/2011. Buộc bị cáo Trần Đức T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 48 (Bốn tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2017 đến ngày 11/5/2017.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính của Trần Đức T là 133.515.267 đồng. Tạm giữ số tiền 135.000.000 đồng bị cáo T đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu tròn mang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Hương Tôn và 01 con dấu chức danh giám đốc mang tên Trần Thị L.

Các tài sản, vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bị cáo Trần Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PV27, PC81 công an tỉnh;
- Bị cáo, người tham gia TT;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Công Đồng